

Số: /TTr-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ 5.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 18/TB-TTHĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023<sup>1</sup>, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII Kỳ họp thứ 5 xem xét, ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Nghị quyết) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính

<sup>1</sup>Thông nhất hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết như đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 25/5/2023; đồng thời áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong việc xây dựng và ban hành nghị quyết. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan trình dự thảo nghị quyết nêu trên tại Kỳ họp thứ 5 Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026.

phủ<sup>2</sup>; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ<sup>3</sup>, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND) làm cơ sở để phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Chương trình) bảo đảm công khai, minh bạch, theo đúng quy định, cụ thể

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh<sup>4</sup>, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định phân bổ vốn cho các đơn vị, địa phương<sup>5</sup> theo quy định (đã phân bổ 763.786 triệu đồng<sup>6</sup>/835.005 triệu đồng<sup>7</sup>; chưa phân bổ, tập trung tại ngân sách tỉnh 71.219 triệu đồng<sup>8</sup>). Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc cần phải xem xét, điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương và tình hình thực tiễn của địa phương; đồng thời, đảm bảo cơ sở để tham mưu phân bổ kinh phí chưa phân bổ, hiện đang giữ lại ngân sách tỉnh (cụ thể có báo cáo thuyết minh kèm theo).

Từ các cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

### 1. Mục đích

Việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 21/2022/NQ-HĐND nhằm kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện phân bổ vốn của Chương trình, là cơ sở để phân bổ kế hoạch vốn nguồn ngân sách trung ương chưa phân bổ năm 2023 (71.219 triệu đồng)

<sup>2</sup> Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

<sup>3</sup> Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

<sup>4</sup> Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 về phê duyệt kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh chỉ tiêu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

<sup>5</sup> Tại các Quyết định: 795/QĐ-UBND ngày 9/12/2022; Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 28/4/2023.

<sup>6</sup> Vốn đầu tư: 437.599 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 326.187 triệu đồng

<sup>7</sup> Vốn đầu tư: 443.399 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 391.606 triệu đồng.

<sup>8</sup>Trong đó: (1) nguồn vốn đầu tư là 5.800 triệu đồng (Nội dung hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3), tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 HĐND tỉnh giao UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo điều kiện theo quy định; (2) nguồn vốn sự nghiệp là 65.419 triệu đồng (Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: 60.105 triệu đồng; Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS: 5.314 triệu đồng); tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 HĐND tỉnh giao UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo điều kiện theo quy định.

và các năm tiếp theo cho các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình; góp phần thực hiện có hiệu quả các chính sách của Đảng, Nhà nước, kịp thời hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định.

## 2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Tuân thủ theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo tính chặt chẽ và thống nhất, đồng bộ, đúng với quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các quy định, hướng dẫn khác có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

- Việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND phải đảm bảo đúng hướng dẫn, quy định của các Bộ, ngành có liên quan; phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tế của địa phương.

## III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Điều 111 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2023 trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết.

Thực hiện Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 18/TB-TTHĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023 về Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 25/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu, xây dựng dự thảo Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Theo đó, Ban Dân tộc đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản pháp luật liên quan (*gửi Sở Tư pháp thẩm định<sup>9</sup>; tổ chức lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>10</sup> và tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ trình theo đúng quy định*).

## IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 21/2022/NQ-HĐND.

**2. Đối tượng áp dụng:** Theo Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết 21/2022/NQ-HĐND.

<sup>9</sup> Báo cáo số 242/BC-STP ngày 12/6/2023 của Sở Tư pháp.

<sup>10</sup> Theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 3462/UBND-KGVX ngày 14 tháng 6 năm 2023.

## V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết gồm có 02 Điều, cụ thể:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 2.** Điều khoản thi hành.

## VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC BAN HÀNH

**1. Dự kiến nguồn lực:** Ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình theo quy định.

### 2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không.

(Hồ sơ kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và các văn bản liên quan).

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.NTMD

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Y Ngọc**